

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY NAM  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **109/2019/HNGĐ-ST**  
Ngày: 08/11/2019  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Thanh Như

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Châu Phương

Ông Nguyễn Văn Đông

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày **08** tháng **11** năm **2019**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 391/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 356/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 386/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Trương Thị M**, sinh năm 1992; (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

**- Bị đơn:** Anh **Nguyễn Trần P**, sinh năm 1987; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2019, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Thị M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trần P kết hôn đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre. Hôn nhân do tự

nguyên tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau sinh sống tại nhà chồng, địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre, vợ chồng cùng nhau làm ăn chăm lo phát triển kinh tế gia đình. Quá trình chung sống, vợ chồng không có hạnh phúc do khó khăn về kinh tế và anh P mê cờ bạc, không quan tâm chăm sóc vợ con. Mặc dù, chị và gia đình đã khuyên anh P nhiều lần nhưng anh P vẫn chứng nào tật nấy. Do đó, đến tháng 01/2019, chị và con chung quyết định chuyển về nhà cha mẹ ruột tại ấp A, xã Đ, huyện M để sinh sống và làm việc và vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng có gặp nhau để bàn bạc, hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Trần P.

Về con chung: Chị M và anh P có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Bảo K, sinh ngày XYZ. Hiện nay, con chung đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn, chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị M trình bày không có.

*Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Trần P được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh P vắng mặt không lý do.*

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng xem như đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị M đối với bị đơn anh Nguyễn Trần P, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân, chị M được ly hôn với anh P; Về con chung: hiện nay con chung đang sống chung với chị M, đồng thời nguyện vọng của con chung muốn sống với chị M, do đó cần thiết giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu; Về tài sản chung: chị M không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về nợ chung: chị M trình bày không có nên không xem xét.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 05/9/2019, chị Trương Thị M có đơn khởi kiện ly hôn với anh Nguyễn Trần P. Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 05/9/2019 (BL 03,04) cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại Điều 51 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Chị M khởi kiện yêu cầu ly hôn anh P, đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm thụ lý, anh P có nơi cư trú tại ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre. Đối chiếu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

[3] Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Tòa án đã tiến hành thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh P theo đúng quy định tại các điều 175, 177, 196, 208 và Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh P vẫn cố tình vắng mặt. Như vậy, việc anh P vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P theo quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Thị M:

4.1. Về quan hệ hôn nhân: Ngày 22/4/2010, chị M và anh P tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre. Việc đăng ký kết hôn giữa chị M và anh P là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc, đã tuân thủ đúng theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên tòa, chị M trình bày hiện nay vợ chồng chung sống không hạnh phúc, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau nên chị M quyết định ly hôn với anh P. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập anh P đến để hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa anh P và chị M nhưng anh P không có mặt. Ngoài ra, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và các tài liệu chứng cứ của chị M cho anh P nhưng anh P không có mặt cũng như không có ý kiến phản

đối với yêu cầu ly hôn của chị M. Từ các căn cứ trên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

4.2. Về con chung: Chị M và anh P có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Bảo K, sinh ngày XYZ. Sau khi ly hôn, chị M yêu cầu trực tiếp nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: vào ngày 30/9/2019, chị M đã cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh chị M có nghề nghiệp ổn định và hiện cháu K đang tham gia học tập tại trường tiểu học Đ (ấp A, xã Đ, huyện M). Tại Biên bản ghi nguyện vọng của con chung thì cháu K cũng có nguyện vọng được sống chung với chị M (BL 34). Mặc khác, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, anh P cũng không có ý kiến phản đối với việc chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử xét thấy để con chung phát triển ổn định, toàn diện cần giao cháu K cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị M không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4.3. Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4.4. Về nợ chung: Chị M trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị M có nghĩa vụ chịu số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị M về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với bị đơn anh Nguyễn Trần P, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Trần P.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Bảo K, sinh ngày XYZ. Sau khi ly hôn, chị Trương Thị M là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung (phù hợp với nguyện vọng của con). Ghi nhận chị Trương Thị M không yêu cầu anh Nguyễn Trần P cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Trần P có quyền thăm, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Trương Thị M không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Trương Thị M trình bày không có nên không xem xét.

2. Án phí: Chị Trương Thị M có nghĩa vụ chịu số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006447 ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (đã nộp xong).

3. Chị Trương Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Nguyễn Trần P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
  - TAND tỉnh Bến Tre (1b);
  - CCTHADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
  - UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre Số 28
- Quyển 1 năm 2010 (1b);
- Các đương sự (2b);
  - Lưu hồ sơ; VP (3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký, đóng dấu)

**Huỳnh Thị Thanh Như**